

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH PHÚC KHẢO

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	Môn	Ngày nhập PK	Điểm TL trước PK	Điểm TN trước PK	Tổng điểm trước PK	Điểm TL sau PK	Điểm TN sau PK	Tổng điểm sau PK
1	35013132	HUỖNH TRANG BẢO AN	25/11/2007	Nữ	051307002913	SU	01/08/2025		8.1	8.1		8.1	8.1
2	35013132	HUỖNH TRANG BẢO AN	25/11/2007	Nữ	051307002913	TO	01/08/2025		4.6	4.6		4.6	4.6
3	35013137	NGUYỄN TRÂM ANH	14/10/2007	Nữ	051307005783	TO	01/08/2025		0.7	0.7		0.7	0.7
4	35013175	NGUYỄN PHONG ĐẠT	12/03/2007	Nam	051207011244	HO	01/08/2025		5.85	5.85		5.85	5.85
5	35013175	NGUYỄN PHONG ĐẠT	12/03/2007	Nam	051207011244	TO	01/08/2025		4.35	4.35		4.35	4.35
6	35013268	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	23/11/2007	Nam	051207021789	LI	01/08/2025		6	6		6	6
7	35013268	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	23/11/2007	Nam	051207021789	TO	01/08/2025		5.1	5.1		5.1	5.1
8	35013281	NGUYỄN THỦY NHI	11/08/2007	Nữ	051307010003	SU	01/08/2025		9.5	9.5		9.5	9.5
9	35013308	BÙI ĐỖ ANH PHÔNG	10/02/2007	Nam	051207000559	DI	01/08/2025		4.6	4.6		4.6	4.6
10	35013308	BÙI ĐỖ ANH PHÔNG	10/02/2007	Nam	051207000559	SU	01/08/2025		3.75	3.75		3.75	3.75
11	35013308	BÙI ĐỖ ANH PHÔNG	10/02/2007	Nam	051207000559	TO	01/08/2025		1.5	1.5		1.5	1.5
12	35013308	BÙI ĐỖ ANH PHÔNG	10/02/2007	Nam	051207000559	VA	01/08/2025	3.25		3.25	3.25		3.25
13	35013342	LÊ THỊ HUYỀN SƯƠNG	30/10/2007	Nữ	051307009262	TO	01/08/2025		5.5	5.5		5.5	5.5
14	35013356	LÊ THỊ THU THẢO	22/10/2007	Nữ	051307004128	LI	01/08/2025		7.5	7.5		7.5	7.5
15	35013376	HUỖNH TẤN THUẬN	08/06/2007	Nam	051207014972	LI	01/08/2025		4.2	4.2		4.2	4.2
16	35013376	HUỖNH TẤN THUẬN	08/06/2007	Nam	051207014972	VA	01/08/2025	3.5		3.5	3.5		3.5
17	35013393	PHẠM THANH THƯƠNG	21/02/2007	Nữ	051307008553	N1	01/08/2025		5.75	5.75		5.75	5.75
18	35013445	HUỖNH THỊ ÁNH TUYẾT	26/06/2007	Nữ	051307007490	HO	01/08/2025		4.7	4.7		4.7	4.7
19	35013455	VÕ VĂN VIÊN	04/08/2007	Nam	051207018694	VA	01/08/2025	4.75		4.75	4.75		4.75